

Số: /2025/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định đối tượng, chính sách hỗ trợ kinh phí đi lại, làm việc hoặc thuê nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 314/TTr-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định đối tượng, chính sách hỗ trợ kinh phí đi lại, làm việc hoặc thuê nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; các Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định đối tượng, chính sách hỗ trợ kinh phí đi lại, làm việc hoặc thuê nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định đối tượng, chính sách hỗ trợ kinh phí đi lại, làm việc hoặc thuê nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương chịu ảnh hưởng, tác động do sắp xếp, sáp nhập có khoảng cách địa giới hành chính từ 15km trở lên từ trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ở hiện tại (sau đây viết tắt là “nơi ở hiện tại”) đến trụ sở cơ quan hiện đang công tác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hiện đang công tác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của thành phố Hải Phòng; không thuộc các đối tượng được sử dụng xe ô tô đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ; bao gồm:

1. Cán bộ, công chức, viên chức khối Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ cấp thành phố và cấp xã.

2. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc các Sở, ban, ngành, các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

4. Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ theo quy định.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ, mức hỗ trợ

1. Nguyên tắc

a) Việc hỗ trợ được thực hiện hàng tháng; khoản hỗ trợ này không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và không làm căn cứ tính các chế độ, phụ cấp khác.

b) Đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh Nghị quyết chỉ được áp dụng 01 trong 02 mức hỗ trợ theo mức hỗ trợ cao nhất theo Nghị quyết này. Trường hợp đối tượng đủ điều kiện được hưởng nhiều chính sách, chế độ khác nhau về hỗ trợ kinh phí đi lại, làm việc hoặc thuê nhà ở thì chỉ được hưởng một chính sách và được ưu tiên áp dụng chính sách có mức hỗ trợ cao hơn.

c) Quy định khoảng cách tại Nghị quyết được xác định bằng chiều dài của lộ trình đường giao thông đường bộ ngắn nhất từ nơi ở hiện tại đến trụ sở cơ quan hiện đang công tác.

2. Mức khoán hỗ trợ đi lại, làm việc

a) Khoảng cách từ nơi ở hiện tại đến trụ sở cơ quan hiện đang công tác từ 15 km đến dưới 30 km: Hỗ trợ 1.800.000 đồng/người/tháng.

b) Khoảng cách từ nơi ở hiện tại đến trụ sở cơ quan hiện đang công tác từ 30km đến dưới 45km: Hỗ trợ 2.700.000 đồng/người/tháng.

c) Khoảng cách từ nơi ở hiện tại đến trụ sở cơ quan hiện đang công tác từ 45km trở lên: Hỗ trợ 3.600.000 đồng/người/tháng.

3. Mức khoán hỗ trợ thuê nhà ở

Khoảng cách từ nơi ở hiện tại đến trụ sở cơ quan hiện đang công tác từ 30km trở lên (*đối với trường hợp có thuê nhà ở*): Hỗ trợ 2.700.000 đồng/người/tháng.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện, trách nhiệm chi trả

1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên

chức, người lao động do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách.

2. Sau khi nhận được kinh phí hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền cấp, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị (Chủ tài khoản) có trách nhiệm chi trả tiền hỗ trợ vào tài khoản tiền gửi tại ngân hàng của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu trách nhiệm trong việc xác định các đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này; trường hợp có sự thay đổi về đối tượng được hưởng chính sách thì phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và hết hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 quy định chính sách hỗ trợ điều kiện đi lại và làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến làm việc ở các cơ quan cấp tỉnh tại trung tâm thành phố Hải Phòng (hiện tại) sau sắp xếp.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức và chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVI, Kỳ họp thứ 32 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: NV, TC, TP;
- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ TP);
- Vụ Pháp chế (các Bộ: NV, TC);
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP khóa XVI;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- KBNN khu vực III;
- TTĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo TP;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, ĐT.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu